

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2020/HC-PT

Ngày 16 - 6 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
Nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Nguyễn Văn Tũu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 730/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2020/QĐPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trương Thị Th, sinh năm 1935 (vắng mặt).

Địa chỉ: 309/13A đường NVT, Phường 1, Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Cao T (có mặt).

Địa chỉ: 272 BTX; Phường 2, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2019).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Việt; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Y; Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền số 4038/UBND-TD ngày 02/7/2019 - vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Quốc tế NS.

Địa chỉ: Số 7, đường ND, Phường 9, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Quốc Hưng; Chức vụ: Giám đốc công ty (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn M (vắng mặt).

Địa chỉ 09-08A1CC TP, đường CK, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 05.19GUQ-NSĐL ngày 13/8/2019).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Trương Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Trương Thị Th và người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 08 bis (nay là số 10) đường ND, Phường 9, thành phố ĐL là của bà Hồ Thị L (mẹ chồng bà Th) từ trước năm 1975. Sau giải phóng năm 1975, gia đình cho Ủy ban quân quản mượn để làm trụ sở làm việc (có giấy mượn nhà). Ngày 05/8/1976, bà L lập giấy ủy quyền cho bà Th được toàn quyền sử dụng ngôi nhà, xe ô tô và toàn bộ tài sản trong ngôi nhà. Từ sau giải phóng, gia đình bà đã liên tục có đơn đòi lại nhà nhưng không được giải quyết. Sau khi, bà L chết năm 1980, ông H (là con bà L, chồng bà Th) chết năm 2009 thì bà Th tiếp tục làm đơn yêu cầu đòi lại nhà.

Ngày 21/02/2019, UBND dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Văn bản số 912/UBND-TD, có nội dung: Không có cơ sở để xem xét giải quyết việc bà Th đề nghị trả lại căn nhà 08 bis ND, Phường 9, thành phố ĐL hoặc bố trí cho gia đình bà 01 căn nhà tại nơi khác. Không đồng ý, ngày 29/3/2019, bà Th khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 912/UBND-TD nêu trên của UBND dân tỉnh Lâm Đồng.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày:

Căn nhà số 08 bis ND (nay là số 10) đường ND, Phường 9, thành phố ĐL là nhà vắng chủ, đã được UBND tỉnh Lâm Đồng tiếp nhận, quản lý theo Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ “về việc ban hành chính sách quản lý cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất ở các đô thị, các tỉnh phía Nam”. Sau đó, Tỉnh ủy Lâm Đồng sử dụng để bố trí cho các đơn vị trực thuộc làm trụ sở làm việc. Ngày 17/6/1991, Sở Xây dựng có Tờ trình số 443/TT-XDND đề xuất UBND tỉnh quản lý toàn bộ nhà đất và trang thiết bị căn nhà. Trên cơ sở đề xuất này, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 465/QĐ-UB ngày 18/6/1991 về việc tiếp nhận và trực tiếp quản lý toàn bộ nhà đất và trang thiết bị ngôi nhà số 08 bis đường ND theo diện tài sản của chế độ cũ đưa vào sở hữu nhà nước. Sau khi quản lý, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 514/QĐ-UB ngày 25/6/1991 về việc chuyển giao quyền quản lý và sử dụng căn nhà trên cho Ban Tài chính Tỉnh ủy Lâm Đồng quản lý sử dụng.

Ngày 02/01/1996, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Ban Tài chính Tỉnh ủy đối với 21 căn biệt thự tại đường ND. Ngày 05/11/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3935/QĐ-UB về việc thu hồi đất thuộc khuôn viên 19 biệt thự tại đường ND, Phố Đức Chính, Phường 9 thành phố ĐL do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý cho Xí nghiệp tư doanh HA thuê để kinh doanh du lịch (trong đó, có căn biệt thự số 08 ND). Ngày 20/8/2008, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 2234/QĐ-UBND về việc thu hồi 11 căn (trong đó có căn biệt thự số 08, ND) để giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý và cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thuê. Đến ngày 25/12/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3267/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thuộc khuôn viên các biệt thự tại đường ND giao cho Sở Tài chính quản lý.

Ngày 18/3/2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND về việc thu hồi nhà, đất các biệt thự khu vực đường ND, giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý và cho Công ty Cổ phần Tập đoàn TT thuê (trong đó có căn biệt thự số 08 ND). Trong quá trình thực hiện dự án, Tập đoàn Trung Thủy đề nghị xin rút khỏi dự án. Ngày 11/01/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 722/QĐ-UBND cho Công ty Cổ phần Quốc tế NS ĐL thuê để đầu tư xây dựng văn phòng, du lịch, dịch vụ tại đường ND.

Trên cơ sở ủy quyền của UBND tỉnh, UBND thành phố ĐL đã ký Hợp đồng số 03/HĐ ngày 28/4/2014 với Công ty Cổ phần Quốc tế NS ĐL để thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước (trong đó có căn biệt thự số 08 ND) và sử dụng cho đến nay.

Như vậy, căn nhà trên đã được UBND tỉnh quản lý từ sau năm 1975, trong quá trình quản lý, UBND tỉnh đã giao cho các cơ quan quản lý, sử dụng. Căn cứ quy định tại Điều 1, Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội: *“Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”*. Do vậy, việc UBND tỉnh không chấp nhận yêu cầu đòi lại căn nhà số 08 ND là đúng quy định.

Theo hồ sơ do bà Th cung cấp trong quá trình làm việc với Sở Xây dựng trước đây cho thấy, căn cứ để bà Th đòi lại nhà là đơn xin trả lại nhà và Giấy ủy quyền của bà L, cụ thể:

Bà Th cung cấp đơn do bà L ký (không ghi ngày, tháng, năm), với nội dung xin hoàn trả lại căn nhà số 08 ND và 01 xe hơi hiệu DAIHATSU mang số IA9-9524. Đơn được UBND Cách mạng Phường 2 (cũ) xác nhận ngày 04/9/1975, có nội dung: *“Kính chuyển: Ủy ban quân quản thành phố ĐL. Căn nhà số 08 ND là của bà Hồ Thị Lợi làm sở hữu chủ... Ông Nguyễn Văn H là con trai của bà L, trước kia là Tổng Giám đốc Hãng đường HH bị chính quyền*

Nguyễn Văn Thiệu bắt. Khi vào tiếp quản căn nhà này, có một số xăng nhưng một số anh em ta có lấy để cho vào xe đi công tác. Vậy chúng tôi đề nghị UBQQ thành phố xét”.

Đền ngày 05/8/1976, bà L lập Giấy ủy quyền cho bà Th với nội dung: *“Tôi có một ngôi nhà ở số 08 Bis đường ND và một chiếc xe ô tô hiệu DAIHATSU mang số 1A-9524 thuộc thị xã ĐL tạm mượn để sử dụng. Để thực hiện đúng chính sách của Đảng và Chính phủ về việc đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của nhân dân, tôi đề nghị UBND cách mạng các cấp giúp đỡ cho tôi được ủy quyền cho con dâu tôi tên là Tứ Linh Trương Thị Th được toàn quyền sử dụng ngôi nhà, xe ô tô và toàn bộ tài sản trong ngôi nhà kể từ ngày làm đơn này. Con dâu tôi ở số nhà 201 Nam Kỳ Khởi Nghĩa thành phố Hồ Chí Minh, căn cước số 01017939, cấp ngày 10/4/1969”.*

Căn cứ quy định tại khoản 4, Mục II Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị của các tỉnh phía Nam: *“4. Những nhà, đất và tài sản mà trước khi vắng, chủ nhà đã ủy quyền hợp pháp cho những người là con đẻ, vợ hoặc chồng hợp pháp của mình quản lý thì những người ấy được tiếp tục quản lý và phải chấp hành những chính sách quản lý nhà, đất của Nhà nước; trường hợp chưa kịp ủy quyền hợp pháp thì Nhà nước cho phép những người là cha mẹ, con đẻ, vợ hoặc chồng hợp pháp của họ trước đây đã ở trong những nhà ấy, nay được tiếp tục ở nhưng không được bán, chuyển dịch bất động sản. Đối với thân nhân không phải là cha mẹ, vợ chồng, con của các chủ vắng mặt mà trước đây cùng ở chung với chủ nhà, nếu nay còn ở lại thì sẽ được thu xếp cho ở một chỗ trong nhà hoặc xếp ở nơi khác”.* Như vậy, Giấy ủy quyền do bà L lập cho bà Th là không có cơ sở để xem xét, vì bà Th chỉ là con dâu, không phải đối tượng được ủy quyền như theo quy định trên.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 1, Mục II, Thông tư số 02/1999/TT-BXD ngày 03/5/1999 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quản lý nhà ở vắng chủ giữa cá nhân với cá nhân quy định tại Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991: *“Ủy quyền hợp pháp là việc ủy quyền bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ủy quyền do chủ sở hữu xác lập tại địa phương nơi có nhà ở đó trước khi chủ sở hữu đi vắng”.*

Qua xem xét Giấy ủy quyền do bà Th lập không được nhà nước thừa nhận là hợp pháp vì không được lập *“Tại địa phương nơi có nhà ở”* (thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng) mà được lập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, việc UBND tỉnh ban hành quyết định quản lý căn nhà số 08 ND là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung bà Th đề nghị giao cho bà 01 căn nhà khác:

Qua xem xét các quy định của pháp luật về quản lý nhà, đất vắng chủ, Nhà nước chỉ xem xét tạo điều kiện hỗ trợ cải thiện nhà ở trong trường hợp phải là chủ sở hữu có nhà đất mà nhà nước đã quản lý và đang thường trú tại tỉnh, thành phố có nhà đất mà nhà nước đã quản lý, bố trí, cụ thể: Căn cứ quy định tại Điều

10, Nghị Quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: *“Đối với những trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng nhà đất theo các chính sách quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, chủ sở hữu chưa có chỗ ở hoặc có chỗ ở nhưng diện tích bình quân trong hộ gia đình thấp hơn hoặc bằng 6m²/người thì UBND cấp tỉnh bố trí để họ được thuê nhà ở hoặc được mua nhà ở trả góp”*.

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: *“Người được tạo điều kiện hỗ trợ cải thiện nhà ở quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 phải là chủ sở hữu có nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng theo các chính sách quản lý và cải tạo nhà đất trước đây và đang thường trú tại tỉnh, thành phố có nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trước ngày Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 có hiệu lực thi hành”*. Bà Th không phải là chủ sở hữu căn nhà số 08 Bis ND. Trong quá trình làm việc với Sở Xây dựng trước đây, bà Th cũng không cung cấp được bất cứ hồ sơ về chủ sở hữu căn nhà số 08 Bis ND. Đồng thời, cũng không thường trú tại thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, không có cơ sở để xem xét hỗ trợ về nhà ở, đất ở.

Căn nhà số 08 bis ND thuộc diện UBND tỉnh đã quản lý, bố trí trong quá trình thực hiện các chính sách về nhà đất. Do vậy, theo thẩm quyền quản lý nhà nước và xử lý các vụ việc liên quan đến việc thực hiện chính sách về nhà đất được quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; Nghị Quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì việc UBND tỉnh ban hành ban hành Văn bản số 912/UBND-TD ngày 21/02/2019 về việc giải quyết đơn của bà Thuần là đúng thẩm quyền. Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Th.

Công ty Cổ phần Quốc tế NS trình bày: Ngày 28/4/2014, Công ty ký hợp đồng số 03/HĐ thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước với UBND thành phố ĐL, trong đó có căn nhà 08 ND. Ngày 17/10/2014, Công ty ký hợp đồng số 182/HĐ-TĐ thuê đất, mặt nước với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, Công ty đã quản lý, sử dụng căn nhà trên để triển khai thực hiện dự án khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp tại đường ND, thành phố ĐL, được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt quy hoạch, cấp phép đầu tư và Công ty đã nộp tiền thuê nhà theo quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 158; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 357 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội “Về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính

sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991”;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Trương Thị Th về việc yêu cầu hủy công văn số: 912/UBND-TD ngày 21/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/11/2019, người khởi kiện, bà Trương Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà Th giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Nguồn gốc căn nhà là của bà L. Bà Th là con dâu. Bà L có 2 người con là ông H và 1 người sống tại Hoa Kỳ. Bà Th là vợ ông H. Năm 1976, bà L có ủy quyền cho bà Th đòi lại nhà và tài sản. Bà L và ông H đều đã chết. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Nhà 08 bis (nay là số 10 ND) được UBND tỉnh Lâm Đồng xác lập sở hữu nhà nước từ năm 1991 là phù hợp với Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ. Theo Nghị Quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội thì Nhà nước không xem xét việc đòi nhà đất đã bố trí, sử dụng cho tổ chức khác. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Ngày 21/2/2019, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Công văn số 912/UBND-TD, có nội dung không chấp nhận yêu cầu đòi lại căn nhà 8 bis (nay là số 10) đường ND, Phường 9, thành phố ĐL. Mặc dù, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành công văn để giải quyết khiếu nại là không đúng quy định tại Luật Khiếu nại nhưng công văn trên có nội dung giải quyết khiếu nại của bà Th. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*” và giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Bà Th kháng cáo đúng quy định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện: Từ năm 1977 đến nay, UBND tỉnh Lâm Đồng quản lý 11 căn biệt thự tại đường ND, Phường 9, thành phố ĐL, trong đó có căn nhà số 08 bis. Theo các Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng

Chính phủ về việc ban hành chính sách quản lý cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất ở các đô thị, các tỉnh phía Nam; Quyết định số 465/QĐ-UB ngày 18/6/1991 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc tiếp nhận, trực tiếp quản lý toàn bộ nhà đất và trang thiết bị ngôi nhà số 08 bis ND theo diện tài sản của chế độ cũ đưa vào sở hữu nhà nước. Quá trình quản lý UBND tỉnh đã giao cho Tỉnh ủy Lâm Đồng sử dụng để bố trí cho các đơn vị trực thuộc làm trụ sở làm việc từ năm 1977. Hiện nay, căn nhà trên được UBND tỉnh Lâm Đồng cho Công ty Cổ phần Quốc tế NS ĐL thuê để đầu tư xây dựng văn phòng, du lịch, dịch vụ tại đường ND theo Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 11/01/2014.

[3] Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội quy định: *“Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”*.

[4] Mặt khác, căn cứ đề bà Th khởi kiện là Giấy ủy quyền do bà L lập ngày 05/8/1976, có nội dung: *“Tôi ủy quyền cho con dâu tôi tên Tứ Linh Trương Thị Th được toàn quyền sử dụng ngôi nhà, xe ô tô và toàn bộ tài sản trong ngôi nhà”*. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện thể hiện bà L đã chết năm 1980. Căn cứ khoản 2, Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3, Điều 140 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: 3. *Đại diện theo ủy quyền chấm dứt trong trường hợp sau đây: “... đ) Người được đại diện, người đại diện là cá nhân chết; người được đại diện, người đại diện là pháp nhân chấm dứt tồn tại;...”*.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, bác kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348, 357 Luật tổ tụng hành chính; Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo Xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Th.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HCST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Th yêu cầu hủy công văn số 912 ngày 21/2/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

4. Chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, bà Trương Thị Th phải chịu và đã nộp xong.

5. Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Trương Thị Th được miễn nộp.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 6 năm 2020)./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (án NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phan Đức Phương